ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN 10 -04- 2012
SỐ CV ĐẾN: 1086

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	**2 – 3**
Báo cáo kiểm toán	**4 - 5**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	**6 – 20**
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 36/UBCK-GP ngày 02 tháng 7 năm 2008 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp 02 Giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 26.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Nhận uỷ thác vốn và đầu tư vốn;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 6, Maritime Bank Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 20).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thanh Dương	Chủ tịch	
Ông Bùi Đình Chiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/6/2011
Ông Nguyễn Ngọc Giang	Ủy viên	
Ông Trịnh Việt Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 04/6/2011

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Mimh Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1/10/2011
Bà Nguyễn Thu Hằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 1/10/2011
Ông Nguyễn Khắc Bảng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/6/2011
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/6/2011

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Trọng Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/6/2011
Ông Nguyễn Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Bảo Ân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/6/2011
Bà Bùi Thị Thuỳ Ngân	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012
TM. Ban Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

Nguyễn Ngọc Giang

Số : 128/2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát được lập ngày 25 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa dựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có lien quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo này về các vấn đề sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn nhận ủy thác đầu tư là 3.208.201.459.728 đồng, Công ty hoạt động quản lý danh mục đầu tư nhưng chưa thực hiện lưu ký tài sản của nhà đầu tư tại ngân hàng lưu ký. Vì vậy, Công ty chưa tách biệt danh mục tài sản sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác với tài sản tự doanh của Công ty trên Bảng cân đối kế toán và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Hợp đồng nhận ủy thác đầu tư của Công ty ký với khách hàng có nội dung cam kết đảm bảo mức lợi nhuận đạt được và hoàn trả đầy đủ toàn bộ vốn ủy thác là chưa phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty quản lý Quỹ.
- Việc Công ty sử dụng vốn nhận ủy thác để hợp tác đầu tư với lãi suất cố định (số dư các khoản hợp tác đầu tư đến 31 tháng 12 năm 2011 là 544.000.000.000 đồng) là không phù hợp với thỏa thuận về việc sử dụng vốn với bên ủy thác. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại các hợp đồng hợp tác đầu tư này đã được thanh lý.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may là 111.719.691.200 đồng tương đương 8.932.885 cổ phần (mua của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc). Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa thực hiện xong việc chuyển quyền sở hữu số lượng cổ phần nêu trên từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc sang Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN LƯU ĐỘNG**	**100**		**3.378.839.495.151**	**4.980.039.368.357**
I.	**Tiền và tương đương tiền**	**110**		**26.169.296.321**	**355.389.382.837**
1.	Tiền mặt tại quỹ	111		2.632.175	5.708.189
2.	Tiền gửi ngân hàng	112		10.466.664.146	1.983.674.648
4.	Tương đương tiền	114	III.01	15.700.000.000	353.400.000.000
II.	**Đầu tư ngắn hạn**	**120**	**III.02**	**3.166.760.650.152**	**4.542.817.014.818**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.337.326.040.658	2.597.758.331.758
2.	Đầu tư ngắn hạn khác	122		1.829.434.609.494	1.945.058.683.060
III.	**Các khoản phải thu**	**130**		**183.945.220.769**	**81.206.685.702**
1.	Phải thu của khách hàng	131	III.03	116.332.440.000	65.000.118.300
2.	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		-	-
4.	Phải thu khác	134	III.04	67.612.780.769	16.206.550.902
IV .	**Tài sản lưu động khác**	**150**		**1.964.327.909**	**626.285.000**
1.	Vật liệu, công cụ dụng cụ	151		-	-
2.	Tài sản lưu động khác	152		1.964.327.909	626.285.000
B.	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**	**200**		**3.739.271.859**	**13.837.223.698**
I.	**Tài sản cố định**	**210**		**142.984.134**	**1.081.655.698**
1.	Tài sản cố định hữu hình	211	III.05	54.373.025	1.081.655.698
	- Nguyên giá	*212*		*122.942.350*	*1.134.932.350*
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*213*		*(68.569.325)*	*(53.276.652)*
3.	Tài sản cố định vô hình	217	III.06	88.611.109	-
	- Nguyên giá	*218*		*100.000.000*	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*219*		*(11.388.891)*	-
II.	**Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác**	**230**	**III.07**	**3.307.444.078**	**12.750.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	231		3.900.000.000	-
2.	Đầu tư dài hạn khác	232		-	12.750.000.000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(*)			(592.555.922)	-
				-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**288.843.647**	**5.568.000**
1.	Chi phí trả trước	261		288.843.647	5.568.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3.382.578.767.010**	**4.993.876.592.055**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	**01**	**III.10**	**476.893.569**	**540.259.420**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (01 - 02)	**10**		**476.893.569**	**540.259.420**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1.050.000	18.028.888
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (10 – 11)	**12**		**475.843.569**	**522.230.532**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	III.11	1.019.625.388.182	88.412.841.909
7. Chi phí tài chính	14	III.12	1.007.131.221.564	84.340.441.755
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		7.667.717.172	3.069.850.970
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (12 + 13 - 14 -15)	**16**		**5.302.293.015**	**1.524.779.716**
10. Thu nhập khác	17		3.500.000	-
11. Chi phí khác	18		38.998.032	2.523.401
12. Lợi nhuận khác (17 -18)	**19**		**(35.498.032)**	**(2.523.401)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (16 + 19)	**20**		**5.266.794.983**	**1.522.256.315**
14. Thuế TNDN phải nộp	21		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (20 - 21)	**22**		**5.266.794.983**	**1.522.256.315**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		**III.09**	**2.026**	**585**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thuỷ Ngân	Bùi Thị Thuỷ Ngân	Nguyễn Ngọc Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TÍN PHÁT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		476.786.467	540.259.420
2.	Tiền thu từ phí tư vấn	02		-	-
3.	Tiền thu từ phí phát hành	03		-	-
4.	Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04		-	-
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		7.788.882.261.362	6.396.512.889.000
6.	Tiền trả cho người cung cấp	06		(6.468.695.454)	(1.349.948.937)
7.	Trả lãi tiền vay	07		-	-
8.	Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		(1.312.003.761)	(39.945.000)
9.	Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(2.552.873.902)	(1.151.319.091)
10.	Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10		(27.576.700)	(432.323.160)
11.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(9.033.000.651.683)	(1.504.387.889.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***30***		**(1.254.002.753.671)**	***4.889.691.723.232***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	31		(42.890.000)	(1.093.634.800)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32		-	-
3.	Tiền đầu tư chứng khoán	33		(3.482.568.829.502)	(4.344.063.156.211)
4.	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34		4.389.293.215.216	1.667.772.357.135
5.	Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	35		(3.900.000.000)	(12.750.000.000)
6.	Tiền thu hồi vốn góp đầu tư vào đơn vị khác	36		12.750.000.000	19.400.000.000
7.	Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		9.251.172.041	76.356.012.579
8.	Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38		-	-
9.	Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39		-	(1.945.058.683.060)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***40***		**924.782.667.755**	***(4.539.437.104.357)***

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41		-	-
2.	Tiền trả lại vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	42		-	-
3.	Tiền đi vay	43		-	-
4.	Tiền trả nợ vay	44		-	-
5.	Tiền trả nợ thuê tài chính	45		-	-
6.	Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46		-	-
7.	Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47		-	-
8.	Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***50***		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**60**		**(329.220.086.516)**	**350.254.618.875**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**70**		**355.389.382.837**	**5.134.763.962**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	80		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**90**		**26.169.296.321**	**355.389.382.837**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thuỷ Ngân	Bùi Thị Thuỷ Ngân	Nguyễn Ngọc Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực hoạt động

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Nhận uỷ thác vốn và đầu tư vốn;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

03. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

04. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

05. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực hoạt động

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Nhận uỷ thác vốn và đầu tư vốn;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

03. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

04. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

05. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

06. Chính sách kế toán áp dụng

6.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6.2 Nguyên tắc trích lập dự phòng các khoản giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

6.3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6.4 Phương pháp kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp giá gốc.

6.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

6.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản chi phí sử dụng vốn phải trả liên quan đến các khoản nhận uỷ thác đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

6.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

01. Các khoản tương đương tiền

	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng
- Số đầu năm	353.400.000.000
- Số tăng trong năm	2.968.950.981.069
- Số giảm trong năm	3.306.650.981.069
- Số cuối năm	**15.700.000.000**

02. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

2.1 Tình hình đầu tư chứng khoán

	Chứng khoán kinh doanh	Cộng
- Số đầu năm		
+ Số lượng	*96.516.503*	96.516.503
+ Giá trị	*2.597.758.331.758*	2.597.758.331.758
- Số tăng trong năm		
+ Số lượng	*81.916.482*	81.916.482
+ Giá trị	*1.246.644.389.787*	1.246.644.389.787
- Số giảm trong năm		
+ Số lượng	*121.878.731*	121.878.731
+ Giá trị	*2.507.076.680.887*	2.507.076.680.887
- Số cuối năm (*)	**1.337.326.040.658**	**1.337.326.040.658**

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Số cuối năm	
	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	***56.553.564***	***647.326.040.658***
+ Cổ phiếu niêm yết	564	7.064.800
Ngân hàng TMCP A' Châu	*460*	*4 600 000*
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	*104*	*2 464 800*
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	56.553.000	647.318.975.858
Công ty CP May diêm Sài Gòn	*9.282.877*	*190 903 237 300*
Ngân hàng phát triển Mê kông	*23.344.888*	*186 759 107 358*
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	*2.060.000*	*23 883 440 000*
CTCP Chứng khoán Maritime bank	*12.932.350*	*134.053.500.000*
Công ty CP Tài chính Dệt may Việt Nam	*8.932.885*	*111.719.691.200*
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	***690***	***690.000.000.000***
+ Trái phiếu Công ty CP Đài tư	190	190.000.000.000
+ TP Công ty cổ phần Nam Hà	200	200.000.000.000
+ Trái phiếu Cty CP Nam Quang	300	300.000.000.000
Cộng		**1.337.326.040.658**

2.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn khác

	Uỷ thác lại theo danh mục đầu tư	Hợp tác đầu tư với lãi suất cố định	Đầu tư ngắn hạn khác	Cộng
Số đầu năm	1.546.879.754.510	-	398.178.928.550	**1.945.058.683.060**
Tăng trong năm	1.456.446.606.727	565.450.000.000	423.151.077.117	**2.445.047.683.844**
Giảm trong năm	2.372.871.497.342	21.450.000.000	166.350.260.068	**2.560.671.757.410**
Số cuối năm (*)	**630.454.863.895**	**544.000.000.000**	**654.979.745.599**	**1.829.434.609.494**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Uỷ thác lại theo danh mục đầu tư:	**Số cuối năm**
Ủy thác lại cho Công ty CP QL Quỹ An Phúc theo hợp đồng 2911/2010/QAP, có tài sản đảm bảo	200.000.000.000
Ủy thác lại cho Công ty CP QL Quỹ An Phúc theo hợp đồng 29012011/TPF-AP, có tài sản đảm bảo	202.020.404.167
Ủy thác lại cho AMC – MSB theo hợp đồng 28.11/2011/UTL, không có tài sản đảm bảo	29.733.000.000
Ủy thác lại cho AMC – MSB theo hợp đồng 30.12/2011	198.701.459.728
Cộng	**630.454.863.895**

Đơn vị tính: VND

Hợp tác đầu tư với lãi suất cố định	Số cuối năm
Hợp tác đầu tư với Hoàng Anh Minh theo hợp đồng 2303 A/20/11/HAM với lãi suất cố định 14%/năm trong hạn, 17%/năm với thời gian gia hạn	130.122.000.000
Hợp tác đầu tư với Lê Việt Anh theo hợp đồng 2303B/2001/LVA với lãi suất cố định 14%/năm trong hạn, 17%/năm với thời gian gia hạn	128.643.000.000
Hợp tác đầu tư với Trần Văn Bê theo hợp đồng 2403A/2011 với lãi suất cố định 14%/năm trong hạn, 17%/năm với thời gian gia hạn	30.495.000.000
Hợp tác đầu tư với Nguyễn Trường Sơn theo hợp đồng 2403B/2011/NTS với lãi suất cố định 14%/năm trong hạn, 17%/năm với thời gian gia hạn	128.203.000.000
Hợp tác đầu tư với Ngô Thị Khánh Hòa theo hợp đồng 2403C/2011/NTKH với lãi suất cố định 14%/năm trong hạn, 17%/năm với thời gian gia hạn	126.537.000.000
Cộng	**544.000.000.000**

Đầu tư ngắn hạn khác	Số cuối năm
Góp vốn vào Công ty TNHH Đồ gỗ Mỹ Nghệ Nhật Nguyệt	52.882.539.932
Góp vốn vào Dự án Vân đồn- Cao ốc Hoà Bình	602.097.205.667
Cộng	**654.979.745.599**

03. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bán cổ phiếu Công ty CP Tài chính Dệt May cho Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán An Phúc	-	65.000.000.000
- Bán cổ phần Công ty CP Sông Hồng cho Công ty CP May diêm Sài Gòn	116.332.440.000	-
- Khách hàng khác	-	118.300
Cộng	**116.332.440.000**	**65.000.118.300**

04. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	723.333.333	1.098.293.151
- Phải thu về lãi trái phiếu	63.871.289.955	3.953.561.644
- Phải thu về cổ tức cổ phiếu	-	740.586.518
- Phải thu về lãi uỷ thác đầu tư	3.018.157.481	2.539.109.589
- Mua 525.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritimebank của Công ty DIG	-	7.875.000.000
Cộng	**67.612.780.769**	**16.206.550.902**

Đơn vị tính: VND

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Tổng cộng**
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	***1.024.880.000***	***110.052.350***	***1.134.932.350***
- Mua trong năm	-	12.890.000	12.890.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.024.880.000)	-	(1.024.880.000)
Số dư cuối năm	***-***	***122.942.350***	***122.942.350***
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	***21.351.666***	***31.924.986***	***53.276.652***
- Khấu hao trong năm	106.758.330	36.644.339	143.402.669
- Thanh lý, nhượng bán	(128.109.996)	-	(128.109.996)
Số dư cuối năm	***-***	***68.569.325***	***68.569.325***
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	***1.003.528.334***	***78.127.364***	***1.081.655.698***
2. Tại ngày cuối năm	***-***	***54.373.025***	***54.373.025***

06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	**Tổng cộng**
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Số dư cuối năm	***-***	***100.000.000***	***100.000.000***
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	11.388.891	11.388.891
Số dư cuối năm	***-***	***11.388.891***	***11.388.891***
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	***-***	***88.611.109***	***88.611.109***

Đơn vị tính: VND

07. Các khoản đầu tư dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết	***390.000***	***3.900.000.000***	-	-
Công ty CP Mecash	390.000	3.900.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác			***850.000***	***12.750.000.000***
Góp vốn vào Công ty CP CK Maritimebank	-	-	850.000	12.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		(592.555.922)		-
Cộng	**390.000**	**3.307.444.078**	**850.000**	**12.750.000.000**

08. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số cuối năm
I. Nợ ngắn hạn	**4.968.019.524.808**	**5.143.847.096.753**	**6.760.411.716.781**	**3.351.454.904.780**
1. Vay ngắn hạn	-	-	-	-
2.Phải trả người bán	313.773.155	1.974	313.773.155	1.974
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	76.335.196	1.339.504.762	1.398.380.958	17.459.000
4. Phải trả nhân viên	-	-	-	-
5. Phải trả phải nộp khác	4.967.629.416.457	5.142.507.590.017	6.758.699.562.668	3.351.437.443.806
a. Nhận ủy thác đầu tư	*4.967.305.688.737*	*5.118.635.511.880*	*6.734.503.756.811*	*3.351.437.443.806*
Ngân hàng Eximbank	*4.000.000.000.000*	-	*4.000.000.000.000*	-
Công ty CP Dệt may Việt Nam	*500.000.000.000*	-	*500.000.000.000*	-
Công ty CP Chứng khoán Standar	*200.000.000.000*	-	*200.000.000.000*	-
Ngân hàng TM CP Hàng hải (MSB)	*200.000.000.000*	-	*200.000.000.000*	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương (1)	-	*276.593.202.560*	*77.391.742.832*	*199.201.459.728*
Công ty CP May diêm Sài Gòn (2)	-	*845.000.000.000*	-	*845.000.000.000*
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)(3)	-	*1.444.000.000.000*	-	*1.444.000.000.000*
Cty TNHH Quản lý nợ và KTTS MSB(AMC)(4)	-	*1.670.000.000.000*	*950.000.000.000*	*720.000.000.000*
Lãi phải trả về các khoản nhận UTĐT	*67.305.688.737*	*883.042.309.320*	*807.112.013.979*	*143.235.984.078*
b. Các khoản phải trả khác	*323.727.720*	*23.872.078.137*	*24.195.805.857*	-
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	**4.968.019.524.808**	**5.143.847.096.753**	**6.760.411.716.781**	**3.351.454.904.780**

(1): Là khoản nhận uỷ thác của Ngân hàng TMCP Đại Dương, lãi suất nhận uỷ thác 14%/năm, thời hạn nhận uỷ thác đầu tư là 2 tuần.

(2): Là khoản nhận uỷ thác của Công ty CP May diêm Sài Gòn, lãi suất nhận uỷ thác là 14%/năm, thời hạn nhận uỷ thác đầu tư là 06 tháng.

(3): Là khoản nhận uỷ thác của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, lãi suất nhận uỷ thác là 14%/năm, thời hạn nhận uỷ thác đầu tư là 09 tháng.

(4): Là khoản nhận uỷ thác của Công ty TNHH Quản lý nợ và KTTS MSB, lãi suất nhận uỷ thác là 13,5%/năm, thời hạn nhận uỷ thác đầu tư là 06 tháng.

09. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn kinh doanh	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	*26.000.000.000*	**(142.932.753)**	**25.857.067.247**
Số tăng trong năm	-	5.266.794.983	**5.266.794.983**
Số giảm trong năm	-	-	-
Tổng cộng	**26.000.000.000**	**5.123.862.230**	**31.123.862.230**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Cổ đông	Số vốn góp (VND)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
- Ông Nguyễn Thanh Dương	15.860.000.000	1.586.000	61
- Ông Trịnh Việt Dũng	3.900.000.000	390.000	15
- Ông Nguyễn Khắc Bảng	3.380.000.000	338.000	13
- Ông Nguyễn Ngọc Giang	2.340.000.000	234.000	9
- Ông Nguyễn Văn Thắng	520.000.000	52.000	2
Tổng cộng	**26.000.000.000**	**2.600.000**	**100**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.266.794.983	1.522.256.315
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.266.794.983	1.522.256.315
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.600.000	2.600.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.026	585

10. Chi tiết các khoản doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu từ phí quản lý	476.893.569	540.259.420
- Doanh thu từ phí tư vấn	-	-
- Doanh thu từ phí phát hành	-	-
Cộng	**476.893.569**	**540.259.420**

Đơn vị tính: VND

11. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	75.138.284.175	8.046.085.210
- Lãi từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán	495.391.140.944	65.547.040.615
- Lãi trái phiếu	178.748.146.119	5.740.019.977
- Lãi uỷ thác đầu tư	94.885.809.719	2.539.109.589
- Cổ tức	175.462.007.225	6.540.586.518
Cộng	**1.019.625.388.182**	**88.412.841.909**

12. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi nhận uỷ thác đầu tư	840.900.642.652	67.629.416.457
- Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán	164.261.602.670	16.480.258.958
- Phí quản lý	161.000.000	18.028.888
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết	592.555.922	-
- Chi phí tài chính khác	1.215.420.320	212.737.452
Cộng	**1.007.131.221.564**	**84.340.441.755**

13. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	0,1%	0,3%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	99,9%	99,7%
2. Tình hình tài chính		
- Nợ phải trả/ Tổng tài sản	99,1%	99,5%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	95,3%	99%
- Đầu tư tài sản cố định / Vốn CSH	0,2%	4,2%

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về bên liên quan

1.1. Bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Standar (Nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritimebank)	Ông Nguyễn Ngọc Giang là Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát, đồng thời là uỷ viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Standar.

1.2. Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Nội dung*	*Số tiền (VND)*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritimebank	Nhận uỷ thác đầu tư	200.225.000.000
	Mua cổ phiếu	7.875.000.000

02. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thuỷ Ngân	Bùi Thị Thuỷ Ngân	Nguyễn Ngọc Giang